TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 415/2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 21 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 397/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 7 đường B H, phường K T, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.
- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 7 đường B H, phường K T, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị X kết hôn với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn UBND xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01 ngày 26/5/2010). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông L và bà X về chung sống tại số 7 đường B H, phường K T, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2018 ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị X đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông L và bà Xuân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị X có 02 con chung tên là Phạm Nguyễn Anh Thư - Sinh ngày 01 tháng 11 năm 2010 và Phạm Nguyễn Thanh Trúc - Sinh ngày 16 tháng 8 năm 2017. Ly hôn vợ chồng thống nhất thoả thuận bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000 đồng (*Mỗi con chung 4.000.000 đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 06 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01 năm 2021.

Ông L và bà X tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị X thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị X: Bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Nguyễn Anh Thư - Sinh ngày 01 tháng 11 năm 2010 và Phạm Nguyễn Thanh Trúc - Sinh ngày 16 tháng 8 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Phạm Ngọc L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000 đồng (*Mỗi con chung 4.000.000 đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 06 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01 năm 2021.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị X tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị X đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0008524 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị X đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Tam Hải;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phùng Văn Nhớ